

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÙ CỪ  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 8 - 2022

*V/v Tranh chấp ly hôn và  
nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ, TỈNH HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đình Hiền;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Văn Duy và bà Nguyễn Thị Quyên;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/6/2022 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị H**, sinh năm 1994 “xin xét xử vắng mặt”;  
Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Anh **Trần Phạm T**, sinh năm 1982, “xin xét xử vắng mặt”;  
Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T1, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai của nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Trần Phạm T có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 03 tháng, tự nguyện xây dựng gia đình và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T1, huyện P, tỉnh Hưng Yên ngày 27/9/2012 theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Cụ thể, đến đầu năm 2015 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, nguyên nhân là do anh T không chung thủy và vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, do cách sống và suy nghĩ của mỗi người khác nhau, không tìm được tiếng nói chung và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2015 cho đến nay, không quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh T không

còn nữa, vợ chồng đã sống ly thân nhau trong một thời gian dài và không thể cùng nhau chung sống tiếp, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị và anh T có 01 con chung là cháu Trần Hoàng Anh T2, sinh ngày 20/7/2013 hiện đang ở với chị trên quê ngoại. Nay ly hôn, chị H có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T2 và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về phần tài sản chung: Chị H xác định không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai và biên bản ghi lời khai của bị đơn anh Trần Phạm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Hoàng Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T1, huyện P, tỉnh Hưng Yên ngày 27/9/2012 theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng đều đi làm công nhân ở huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên và ăn ở chung cùng với bố mẹ vợ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Cụ thể, đến đầu năm 2015 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày không tìm được tiếng nói chung, sống không có hạnh phúc. Hai vợ chồng anh đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2015 cho đến nay mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh không nhất trí vì anh là người theo đạo Thiên Chúa giáo, nếu anh đồng ý ly hôn thì anh sẽ mắc tội trọng theo giáo luật. Còn việc chị H cương quyết ly hôn anh không ngăn cản vì anh và chị H không còn tình cảm gì với nhau nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Trần Hoàng Anh T2, sinh ngày 20/7/2013 hiện cháu T2 đang ở với chị H. Ly hôn, anh nhất trí giao cháu T2 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi. Anh T nhất trí quan điểm của chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi liên quan cháu Trần Hoàng Anh T2 trình bày: Quá trình cháu ở cùng với bố mẹ do cháu còn bé, việc mẹ H có đơn xin ly hôn bố T cháu không biết được lý do. Hiện tại cháu T2 đang ở với mẹ H, điều kiện ăn ở, học tập sinh hoạt tốt. Nếu bố mẹ cháu phải ly hôn nhau thì cháu có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với mẹ H và không có yêu cầu gì ở bố T; việc cháu xin ở với mẹ H là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai xúi giục hoặc ép buộc gì.

Xác minh tại UBND thị trấn T1 thể hiện: Anh Trần Phạm T và chị Hoàng Thị H có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn T1 vào sổ đăng ký số 38/2012 ngày 27/9/2012. Sau khi kết hôn anh T và chị H đi làm ăn ở trên quê ngoại ở thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên thỉnh thoảng mới về địa phương. Từ trước đến nay hai vợ chồng chưa lần nào có đơn đề nghị UBND thị trấn T1 giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nên địa phương không nắm được giữa

hai anh chị mâu thuẫn như thế nào? UBND thị trấn T1 đề nghị Tòa án xác minh nguyên nhân, lý do mâu thuẫn vợ chồng để xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị H và bị đơn anh Trần Phạm T vắng mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nên đề nghị HĐXX căn cứ các điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh Trần Phạm T; về con chung: Giao cháu Trần Hoàng Anh T2, sinh ngày 20/7/2013 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và chấp nhận tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; về án phí: Chị Hoàng Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền: Chị Hoàng Thị H và anh Trần Phạm T có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T1, huyện P, tỉnh Hưng Yên vào ngày 27/9/2012 theo quy định của pháp luật. Anh Trần Phạm T hiện đang cư trú tại thôn C, thị trấn T1, huyện P, tỉnh Hưng Yên; chị Hoàng Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh T nên Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả xác minh tại UBND thị trấn T1, huyện P, tỉnh Hưng Yên có đủ căn cứ xác định: Chị Hoàng Thị H và anh Trần Phạm T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hoàn toàn hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hòa thuận, giữa 02 vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng chung sống không có tình cảm và hạnh phúc. Chị H và anh T đều xác nhận vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2015 đến nay, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị H, nhưng anh không nhất trí ly hôn vì anh là người theo đạo Thiên Chúa phải tuân theo giáo luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đến nay đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được; việc chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh T là có cơ sở, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3]. Về con chung:

Chị Hoàng Thị H và anh Trần Phạm T đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Hoàng Anh T2, sinh ngày 20/7/2013 hiện đang sinh sống với chị H ở quê ngoại. Nay ly hôn, chị H có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T2 và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T nhất trí giao cháu T2 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi và nhất trí quan điểm của chị H về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy: Cháu T2 đã chung sống cùng chị H từ bé cho đến nay, được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và cho ăn học đầy đủ. Do đó, để ổn định cuộc sống cho cháu T2 tránh bị xáo trộn, ảnh hưởng đến tâm lý cũng như môi trường học tập của cháu, nên tiếp tục giao cháu T2 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của cháu T2, chị H và quan điểm của anh T. Việc chị H có đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận.

Sau ly hôn, anh Trần Phạm T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị H và anh Trần Phạm T đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét trong bản án này.

[5]. Về án phí: Chị Hoàng Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:** Các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H, xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Trần Phạm T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng Anh T2, sinh ngày 20/7/2013 cho chị Hoàng Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi. Chấp nhận tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Trần Phạm T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000đ, (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ, (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006136 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Chị Hoàng Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên (phòng KTNV);
- VKSND huyện Phù Cừ;
- Chi cục THA dân sự huyện Phù Cừ;
- UBND thị trấn T1;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP .

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đình Hiền**